

Bản án số: 379/2019/HC- PT
Ngày 19 tháng 6 năm 2019
V/v: khiếu kiện quyết định giải
quyết tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi.

Các thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Phạm Công Mười

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh là thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Chí Minh. Tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 730/2018/TLPT-HC ngày 13/12/2018 về “*khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 60/2018/HC-ST ngày 25- 10- 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 456/2019/QĐPT-HC ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1962 (*có mặt*).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Những người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh T:* Ông Phạm Vũ L2, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Thanh S, sinh năm 1974 (*Theo văn bản ủy quyền số 004261 ngày 16/5/2019*); (*có mặt*).

2/- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T (*có văn bản số 2834/UBND-VP ngày 07/6/2019 xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Phường 1, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T: Bà Nguyễn Thị Tú A1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên-Môi trường thành phố Vũng T (*Vắng mặt*).

3/- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/- Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1948 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2/- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019)

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.3/- Bà Nguyễn Thanh B, sinh năm 1959 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019)

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.4/- Ông Nguyễn Quang T3, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.5/- Ông Nguyễn Đức T4, sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2019).

Địa chỉ: ấp Bình M, xã Bình B, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

* Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): T1, T2, B, T3, T4: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1962 (Theo văn bản ủy quyền số 486 ngày 21/5/2019); (có mặt).

3.6/- Ông Đặng Trường G (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.7/- Ông Đặng Ngọc Y, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 11, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.8/- Bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.9/- Bà Đặng Thùy T5, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Rạch D, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.10/- Ông Ngô Văn T6, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.11/- Ông Ngô Văn L1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

* Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): G, Y, L, T5, T6, L1: Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Phường 12, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về nguồn gốc đất:

Theo bà T trình bày: ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị T8 có 06 người con: Ông Nguyễn Thành T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Quang T3, ông Nguyễn Đức T4 và bà Nguyễn Thị Ánh T. Năm 1987, ông P được UBND Phường 11 (nay là Phường 12), thành phố Vũng T cấp diện tích 11.838 m² đất để làm nhà ở và canh tác sản xuất ruộng muối.

Năm 1988, Phường 11 trưng dụng 3.500 m² để cấp cho cán bộ, công nhân viên, còn lại 8.338 m² đất gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng, canh tác ruộng muối, trong đó phần đầu khu đất là đất trũng, sau tiếp giáp đường lộ nên gia đình không làm ruộng muối.

Thấy bà Nguyễn Thị Ngọc A không có đất cất nhà ở, nên ngày 03/8/1988 ông P đã cho bà A 100 m² trong phần đất 8.338 m². Quá trình sử dụng bà A lấn chiếm thêm, nên diện tích đất là 556 m² tại thửa 136, tờ bản đồ số 22, Phường 12, thành phố Vũng T.

Năm 1989, do phục vụ cho việc canh tác ruộng muối nên ông P làm một con đê, vô tình tách diện tích đang sử dụng thành 02 phần (01 phần là ao nhỏ hiện nay do bà A đang sử dụng và là phần đang tranh chấp). Năm 2007 khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì gia đình mới biết gia đình bà A đã sử dụng ngoài diện tích 100 m² đất gia đình bà đã cho, nên gia đình có khiếu nại tại Phường 12. Quá trình giải quyết tại phường 12, gia đình bà A hứa trả, tuy nhiên khi các cơ quan có thẩm quyền tới đo đạc thì gia đình bà A không có mặt, không đồng ý trả. Ngày 13/01/2008, ông P chết, mẹ và các anh chị trong gia đình đã ủy quyền cho bà T giải quyết tranh chấp đất với gia đình bà A. Sau đó, bà T tiếp tục khiếu nại đến UBND thành phố Vũng T, ngày 04/4/2017, UBND thành phố Vũng T ra công văn số 1780/UBND-TNMT với nội dung đề nghị UBND Phường 12 tổ chức hòa giải theo tinh thần biên bản làm việc ngày 21/6/2007 nhưng buổi hòa giải đã không thành, gia đình bà A đã không chấp nhận trả đất nên gia đình tiếp tục khiếu nại.

Ngày 03/11/2017, UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định giải quyết số 5429/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T và bà A. Trong quyết định đã xác định nguồn gốc đất là thửa 136, tờ bản đồ số 22, diện tích 556 m², có nguồn gốc đất do nhà nước quản lý, năm 1987 Phường 11 nay là Phường 12, thành phố Vũng T tạm giao cho ông P 11.838 m² để sản xuất. Năm 1988, Nhà nước lấy lại một phần để giao cho các hộ khác bị giải tỏa cất nhà ở. Tuy nhiên lại công nhận cho gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích 659 m².

Do vậy, nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng T.

Cơ sở pháp lý khởi kiện:

- UBND thành phố Vũng T đã xác nhận diện tích đất tranh chấp không P là của ông P nhưng lại công nhận ông P đã bán cho bà A diện tích đất này.

- Bà A đã chết nhưng UBND thành phố Vũng T vẫn công nhận quyền sử dụng đất cho bà A.

- UBND thành phố Vũng T công nhận quyền sử dụng đất cho bà A là không có cơ sở, vì:

+ Biên bản họp tổ dân phố lập ngày 04/5/2005 xác minh nguồn gốc đất Nguyễn Thị Ngọc A sử dụng: Không có chữ ký của người giáp ranh đang sử dụng là bà Nguyễn Thanh B.

+ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc A lập ngày 29/7/1999, thì UBND phường 11 chỉ xác nhận bà A sử dụng 100 m²

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thửa đất tranh chấp tuy có nguồn gốc trước đây nằm trong khu đất UBND phường 11 (cũ) tạm giao cho ông Nguyễn Văn P (cha bà T) sử dụng để tăng gia sản xuất. Nhưng, việc giao đất cho ông P mới chỉ là hình thức tạm giao. Không có chứng cứ về việc nhà nước giao cho ông P diện tích 11.838 m² mà chỉ có đương sự trình bày và Ủy ban nhân dân phường 11 xác nhận trong đơn của các hộ dân. Trong sổ mục kê thì không có tên ông P đăng ký kê khai đối với diện tích đất này. Đến năm 1988, UBND phường 11 đã lấy lại phần đất mặt tiền Quốc lộ 51 để cấp đất cho một số hộ làm nhà ở, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Ngọc A. Tuy bà A chỉ được UBND phường 11 xác nhận cấp đất với diện tích 100 m² (kích thước 10m X 10m), nhưng do vị trí đất bà A ở cuối nên ngoài diện tích đất cấp, bà A đã thương lượng và được ông P đồng ý cho sử dụng ra đến giáp với con hẻm (mặc dù ông P cho rằng chữ ký trong giấy xác nhận ngày 20/01/2007 của bà A là giả mạo, nhưng theo kết quả giám định đã kết luận đây đúng là chữ ký của ông P).

Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã sử dụng thửa đất trên từ năm 1988 đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, bà A đã kê khai đăng ký đo đạc bản đồ (diện tích 556 m², thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 22) và có tên trong sổ Mục kê phường 12, đồng thời đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Bà Nguyễn Thị Ánh T không có giấy tờ về quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Giấy viết tay của ông Nguyễn Văn P đề “Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho con với nội dung: “Xin chuyển quyền sử dụng cho con gái tôi là Nguyễn Thị Ánh T một miếng đất nhỏ ở thửa đất số 1/136 tờ bản đồ số 22” không P là căn cứ pháp lý đầy đủ vì trên thực tế ông P chưa có quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên.

Do đó, căn cứ hồ sơ vụ việc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A, UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định số

5429/QĐ- UBND ngày 03/11/2017 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất tại phường 12, thành phố Vũng T giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A với nội dung “Công nhận gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A được quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích 659 m² tọa lạc tại 1636, đường Võ Nguyên Giáp (thuộc thửa 497 + 532, tờ bản đồ số 108), phường 12, thành phố Vũng T” là đúng với quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, UBND thành phố Vũng T giữ nguyên Quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trường G và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1987, ông Nguyễn Văn P được chính quyền tạm giao 11.838 m² đất, khi giao không có giấy tờ, giao bằng miệng, để cải tạo đất ruộng muối. Sau đó chính quyền địa phương có trưng dụng lại 3.500 m² đất của ông P để giao lại cho các hộ gia đình khác không có đất ở và canh tác, trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A. Khi đó, bà A được giao diện tích khoảng 688 m² đồng thời ông P và bà A có thương lượng bằng miệng về việc giao diện tích đất này, tứ cận giáp: đất ông N, ruộng muối của ông P, đường đất và Quốc lộ 15 (sau đó là quốc lộ 51 nay là đường Võ Nguyên Giáp).

Tất cả các hộ gia đình được giao đất đều có ranh mốc. Sau khi được giao đất, năm 1990, bà A đăng ký kê khai, có tên trong sổ mục kê, có nộp thuế cho nhà nước, sử dụng ổn định, liên tục đến nay, quá trình sử dụng không ai ngăn cản. Bà A sử dụng vào việc trồng rau muống và nuôi cá (ao này đã có sẵn từ trước là ao trũng), các bờ tứ cận ao giáp: ruộng muối ông P, nhà ông N, đường đất chung, quốc lộ.

Để bổ sung hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 20/1/2007, bà A được ông P xác nhận việc chuyển nhượng nhưng sau đó khoảng 6 tháng sau thì ông P lại có tranh chấp cho rằng Giấy xác nhận năm 2007 không P chữ ký của ông P. Tuy nhiên sau khi giám định chữ ký thì Công an có kết luận chữ ký trong Giấy xác nhận ngày 20/01/2007 đúng là chữ ký của ông P. Do có tranh chấp nên gia đình bà A vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà A chết vào tháng 4 năm 2013 Năm 2010, gia đình bà T có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Vũng T tranh chấp với bà A và đã được Tòa án nhân dân thành phố Vũng T giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 75/2011/QĐST-DS.

Ngày 03/11/2017, UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định số 5429/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T và bà A, theo đó đã công nhận cho bà A là có căn cứ. Diện tích đất này từ năm 1987 đến nay gia đình ông P không sử dụng, không kê khai đăng ký, không thực hiện quyền lợi cũng như nghĩa vụ nào đối với diện tích đất này.

Bản án hành chính sơ thẩm số: 60/2018/HC-ST ngày 25- 10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Áp dụng Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu “hủy Quyết định số: 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng T về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất tại phường 12, thành phố Vũng T giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 01/11/2018 bà Nguyễn Thị Ánh T Kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ, về nội dung: Bà T yêu cầu hủy quyết định của UBND nhưng không có giấy tờ theo quy định của luật đất đai, do bà A được sử dụng liên tục ổn định từ năm 1988 và có thực hiện việc kê khai, đăng ký, nộp thuế từ đó đến nay. Trên cơ sở đó, ngày 03/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố Vũng T ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 5429/UBND theo đó đã công nhận cho gia đình bà A là có căn cứ theo quy định. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T nộp trong hạn luật định là hợp lệ được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với Quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2017, của Chủ tịch UBND thành phố Vũng T thấy rằng:

[2.1]. Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A có diện tích 659m² tọa lạc tại 1636, đường Võ Nguyên Giáp (*thuộc thửa 497 + 532, tờ bản đồ số 108*), phường 12, thành phố Vũng T.

[2.2]. Phần đất tranh chấp này, có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn P, được Ủy ban nhân dân Phường 11 (nay là Phường 12) , thành phố Vũng T cấp cho ông Nguyễn Văn P làm nhà ở và sản xuất ruộng muối từ năm 1987, với diện tích 11.838 m² (*trong đó có 659m² đất đang tranh chấp*).

[2.3]. Đối với hộ bà Nguyễn Thị Ngọc A do không có đất để cất nhà ở; cho nên vào ngày 02/8/1988, bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin sử dụng đất với nội dung: “ Bà A không có đất sản xuất, làm nhà, xin được cấp đất để sản xuất và làm nhà trên phần đất mà ông Nguyễn Văn P trả lại cho Nhà nước. Bà A đồng ý thương lượng bồi hoàn thành quả lao động cho ông P trên diện tích đất là 100m² ”. Đơn này đã được Ủy ban nhân dân phường 11 xác nhận ngày 03/8/1988. Sau đó, bà A đã làm nhà ở cho đến khi tranh chấp.

Căn cứ Điều 3 Luật đất đai năm 1987 quy định: *Nhà nước bảo đảm cho người sử dụng đất được hưởng những quyền lợi hợp pháp trên đất được giao, kể cả quyền chuyển, nhượng, bán thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất được giao khi không còn sử dụng đất và đất đó được giao cho người khác sử dụng theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.* Như vậy, việc bà A thương lượng bồi hoàn lại thành quả lao động cho ông P để sử dụng đất là đúng quy định nêu trên.

[2.4]. Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp còn lại 559m² trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Ngày 20/01/2007, ông Nguyễn Văn P làm giấy xác nhận: Vào năm 1988, ông đã sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc A diện tích 560m² và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã sang nhượng cho bà A.

- Ngày 11/5/2007, bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 659m².

- Đến ngày 31/01/2007, Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố Vũng T xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà A như sau: “ Bà A đang sử dụng diện tích 659m² thuộc tờ bản đồ số 22 thửa 136 (tờ bản đồ mới số 108 thửa 497 + 532) tọa lạc tại đường 30/4, phường 12, thành phố Vũng T. Nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân phường cấp cho ông Nguyễn Văn P từ năm 1986, đến năm 1988 ông P lập giấy sang nhượng đất cho bà A theo đơn xin đất sử dụng được Ủy ban nhân dân phường xác nhận ngày 03/8/1988 và giấy xác nhận lại việc chuyển nhượng đất bằng giấy tay của ông Nguyễn Văn P ngày 20/01/2007, sau khi chuyển nhượng đất năm 1988, bà A làm nhà ở sử dụng đến nay không có tranh chấp. Hiện trạng đất làm nhà để ở và ao thời gian xây dựng năm 1988 ”.

[3]. Với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nêu trên, cho thấy phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố Vũng T xác nhận về nguồn gốc và thời gian sử dụng từ năm 1988 là thuộc trường hợp có giấy tờ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”.

[4]. Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T giải quyết tranh chấp đất đai bằng quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày

03/11/2017 giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với bà Nguyễn Thị Ngọc A là không đúng quy định pháp luật. Việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T, hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên.

[5]. Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T được chấp nhận, nên bà T không P chịu án phí hành chính sơ và phúc thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T phải chịu án hành chính sơ và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2018/HC-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

* Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Hủy Quyết định số 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất tại phường 12, thành phố Vũng T giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc A.

2/. Về án phí:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) án phí sơ thẩm hành chính và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) án phí phúc thẩm hành chính.

- Bà Nguyễn Thị Ánh T không P chịu án phí sơ và phúc thẩm hành chính. Do bà Nguyễn Thị Ánh T đã có dự nộp tiền tạm ứng án phí sơ và phúc thẩm hành chính, với số tiền = 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn*) được thể hiện tại các biên lai thu số 0000584 ngày 19/3/2018 và số 0005964 ngày 06/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, sẽ được hoàn lại trong giai đoạn thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chính phủ nước CHXHCNVN
- Các đương sự
- Lưu.

Đặng Quốc Khởi